

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 401/2024/DS-ST
Ngày 30-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Kim Liên

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 678/2024/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 681/2024/QĐST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Liềm Tịch L, sinh năm 1990

Cư trú: Số A đường N, khóm C, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Khải N, sinh năm 1972; Cư trú: B03, T6 C/c 306, 308 V, P, T, thành phố H (theo giấy ủy quyền ngày 17/01/2024). (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn K, sinh năm 1967

Cư trú: Số E (nay là 526), Quốc lộ I, tổ A, ấp V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2.2. Bà Liềm H, sinh năm 1970

Cư trú: Số F, đường T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.
(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn do ông Đặng Khải N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vì là chỗ họ hàng (bà Liềm H là cô ruột của ông Liềm Tịch L, còn ông Trần Văn K là chồng bà H), nên ngày 01/02/2017, ông L có cho ông K và bà H vay số tiền 30.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận lãi suất, còn thời hạn vay thỏa thuận miệng là 03 tháng (từ ngày 01/02/2017 đến ngày 01/5/2017), ông K và bà H có viết biên nhận vào cùng ngày và giao bản chính biên nhận cho ông L giữ. Khi đến hạn, ông K và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, mặc dù ông L đã nhiều lần tạo điều kiện nhưng đến nay ông K, bà H vẫn chưa trả vốn và lãi cho ông L.

Ngày 02/3/2018 ông K và bà H tiếp tục vay thêm của ông L 100.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh, khi vay thỏa thuận lãi suất 11,5%/năm, lần vay tiền này thì các bên không thỏa thuận thời hạn vay, bà H có ký tên vào giấy vay tiền và giao bản chính cho ông L giữ. Đến ngày 02/3/2019, ông K và bà H trả cho ông L 50.000.000 đồng và còn nợ lại 50.000.000 đồng thì từ đó đến nay không trả nữa, riêng lãi thì từ khi vay đến nay vẫn chưa trả lần nào; mặc dù khi trả 50.000.000 đồng vốn, các bên không lập biên nhận nhưng ông L thừa nhận việc bà H, ông K đã trả số tiền này. Do ông K, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nay ông L yêu cầu ông Trần Văn K và bà Liềm H liên đới trách nhiệm trả cho ông L số tiền vốn còn nợ là 80.000.000 đồng (30.000.000 đồng vay ngày 01/02/2017 + 50.000.000 đồng còn lại của lần vay ngày 02/3/2018), riêng lãi thì ông L xác định lại yêu cầu cụ thể như sau:

+ Số tiền vốn 30.000.000 đồng: yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,84%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/9/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

+ Số tiền vốn 50.000.000 đồng (đã trả): yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 11,5%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 02/3/2018 đến ngày 02/3/2019.

+ Số tiền vốn 50.000.000 đồng (chưa trả): yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 11,5%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 02/3/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

** Bị đơn bà Liềm H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết trình bày:*

Bà H thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn về việc bà và ông K có vay của ông L tổng số tiền 130.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 01/02/2017, vay 30.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận vào cùng ngày, biên nhận do bà và ông K ký tên, thỏa thuận lãi suất là 11,5%/năm nhưng không ghi nội dung lãi suất vào biên nhận, hợp đồng vay không thời hạn, khi nào có thì trả, số tiền này đến nay bà và ông K vẫn chưa trả cho ông L.

Ngày 02/3/2018, bà H và ông K tiếp tục vay thêm của ông L số tiền 100.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận lãi suất 11,5%/năm, không thỏa thuận thời hạn, khi nào có tiền sẽ trả, khi vay có lập giấy vay tiền vào cùng ngày do bà H đại diện ký tên người nhận tiền, số tiền này sử dụng vào mục đích kinh doanh của gia đình và ông K biết vì khi vay có mặt ông K. Sau đó, vợ chồng bà có trả dần cho ông L được 50.000.000 đồng, không trả lãi và hiện còn nợ ông L 50.000.000 đồng, từ đó đến nay không trả vốn và lãi lần nào nữa.

Như vậy, hiện bà và ông K còn nợ ông L tổng số tiền 80.000.000 đồng. Nay, đối với yêu cầu của ông L thì bà đồng ý liên đới trách nhiệm cùng ông K trả nợ cho ông L theo yêu cầu của ông L.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn K trình bày:

Trong thời gian ông và bà Liềm H còn là vợ chồng thì ông, bà có vay của ông L1 Tịch Lếng số tiền 30.000.000 đồng, khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay, cũng không lập biên nhận. Sau đó, bà H viết biên nhận ngày 01/02/2017 xác nhận việc vay 30.000.000 đồng của ông L và đưa biên nhận này cho ông K ký, ông K thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 01/02/2017 (biên nhận được viết trên phiếu báo giá mà ông L cung cấp và ông K đã được tiếp cận trong quá trình giải quyết) là của ông K, ông K đồng ý liên đới trách nhiệm cùng bà H trả số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 25/7/2022 (ngày Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn giữa ông và bà H), cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Đối với trình bày của ông L về việc cho rằng ngoài lần vay 30.000.000 đồng thì ông K và bà H còn vay của ông L 100.000.000 đồng vào ngày 02/3/2018, đến ngày 02/3/2019 đã trả 50.000.000 đồng và còn nợ lại 50.000.000 đồng, nên ông L yêu cầu ông K và bà H phải trả số tiền này thì ông K không đồng ý, vì ông K không vay tiền của ông L, việc bà H1 vay tiền của ông L làm gì, vay khi nào ông K hoàn toàn không biết, bà H không nói với ông và cũng không sử dụng số tiền này để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Vì vậy trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng này là của bà H, không phải của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Liềm Tịch L, buộc ông Trần Văn K và bà Liềm H liên đới trách nhiệm trả cho ông L số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 08/4/2024) đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là

10%/năm; buộc bà H có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liềm Tịch L về việc buộc ông Trần Văn K liên đới trách nhiệm cùng bà Liềm H trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Liềm Tịch L khởi kiện ông Trần Văn K và bà Liềm H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Liềm H cư trú tại số F, đường T, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Liềm T Lếng ủy quyền cho ông Đặng Khải N theo giấy ủy quyền ngày 17/01/2024 là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ông Đặng Khải N tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông N được thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của nguyên đơn theo nội dung văn bản ủy quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Liềm H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các đương sự có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H.

Quá trình giải quyết, ông K có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của ông K tại biên nhận nợ ngày 01/02/2017, nhưng hết thời gian theo thông báo mà ông K không nộp chi phí tố tụng và không có lý do chính đáng, nên Tòa án ban hành Thông báo số 1294/TB-TA, ngày 06/11/2024, về việc không thực hiện việc trưng cầu giám định theo yêu cầu của ông K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông L khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn K và bà Liềm H liên đới trách nhiệm trả cho ông L tổng số tiền 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 11,5%/năm đối với số tiền 50.000.000 đồng, tính từ ngày 02/3/2018 và 10%/năm đối với số tiền 30.000.000 đồng, tính từ ngày 01/9/2019 đến khi xét xử sơ thẩm như nội dung đã nêu trên. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận ngày 01/02/2017 có chữ ký của ông K và bà H và biên nhận ngày 02/3/2018 có chữ ký của người đại diện vay bà H.

[2.2] Đối với yêu cầu trả số tiền 30.000.000 đồng, theo biên nhận ngày 01/02/2017: Quá trình giải quyết, ông K và bà H đều thừa nhận khi còn là vợ chồng, ông bà có vay của ông L 30.000.000 đồng, ông bà có ký tên vào biên nhận ngày 01/02/2017 như ông L trình bày, bà H đồng ý liên đới trách nhiệm cùng ông K trả vốn và lãi theo yêu cầu của ông L. Riêng, ông K thì cho rằng khi vay số tiền này, các bên không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay nên ông chỉ đồng ý trả vốn 30.000.000 đồng và lãi 10%/năm, tính từ ngày 25/7/2022 (ngày Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn giữa ông và bà H) đến ngày xét xử sơ thẩm. Thấy rằng, các đương sự đều thống nhất ông K, bà H có vay của ông L số tiền 30.000.000 đồng và đến nay vẫn chưa trả vốn và lãi lần nào dù ông L đã yêu cầu trả nhiều lần. Do ông K, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nay ông L yêu cầu ông, bà phải trả số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về thời hạn vay và lãi suất: Ông L cho rằng khi vay các bên thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng (kể từ ngày 01/02/2017 đến ngày 01/5/2017), không thỏa thuận về lãi suất; nhưng ngoài trình bày thì ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh và trình bày này của ông L cũng không được ông K, bà H thừa nhận, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông L thời gian tính lãi từ ngày 01/9/2019. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung biên nhận ngày 01/02/2017 để xác định đây là hợp đồng vay không thời hạn, không có lãi, và theo quy định tại Điều 466, Điều 469 thì ông L có quyền đòi lại tài sản bất kỳ lúc nào, nhưng phải thông báo thời gian hợp lý; dựa vào trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ thì lãi suất sẽ được tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 08/4/2024), lãi suất được tính như sau:

$30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 08 \text{ tháng} 22 \text{ ngày (từ 08/4/2024 đến ngày 30/12/2024)} = 2.180.000 \text{ đồng}.$

Số tiền vốn và lãi ông K, bà H phải trả cho ông L là 32.180.000 đồng (vốn 30.000.000 đồng + lãi 2.180.000 đồng).

[2.3] Đối với yêu cầu trả số tiền 50.000.000 đồng, theo giấy vay tiền ngày 02/3/2018, thấy rằng: Theo giấy vay tiền ngày 02/3/2018 thì chỉ có bà Liềm H ký tên đại diện người vay, không có ông K ký nhận, quá trình giải quyết ông K đều không thừa nhận việc cùng bà H vay số tiền 100.000.000 đồng như trình bày của ông L và bà H; tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xác định khi vay tiền có mặt ông K và ông K là người trực tiếp nhận tiền vay, đồng thời cho rằng quá trình vay ông K, bà H có trả được 50.000.000 đồng vào ngày 02/3/2019, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; mặc dù bà H thừa nhận có cùng ông K vay tiền của ông L theo giấy vay tiền ngày 02/3/2018 và mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh của gia đình, nhưng bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông K cùng bà vay tiền hoặc chứng minh bà đã sử dụng số tiền vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân gia đình như bà trình bày. Do đó, không có căn cứ để buộc ông K liên đới trách nhiệm cùng bà H trả

số tiền 50.000.000 đồng cho ông L, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay tiền ngày 02/3/2018 cùng lời thừa nhận của bà H để xác định bà H có vay 100.000.000 đồng, đã trả 50.000.000 đồng và còn nợ ông L 50.000.000 đồng, để buộc bà H có trách nhiệm trả số tiền này cho ông L.

Về thời hạn vay và lãi suất: Theo giấy vay tiền ngày 02/3/2018 các bên thỏa thuận lãi suất 11,5%/năm, nhưng không thỏa thuận thời hạn vay; quá trình giải quyết thì bà H cũng thống nhất theo nội dung giấy vay tiền thể hiện, nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cùng trình bày của đương sự, xác định: vào ngày 25/7/2022 khi Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa ông K với bà H thì ông L đã có yêu cầu trả số tiền 50.000.000 đồng này, như vậy xem như ông L đã thông báo cho bà H thời gian hợp lý để yêu cầu trả nợ theo quy định tại 469 Bộ luật dân sự.

Số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 02/3/2018 đến ngày 02/3/2019 là 01 năm: $50.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} \times 11,5\%/\text{năm} = 5.750.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 02/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/12/2024) là 06 năm 09 tháng 28 ngày: $50.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ năm } 09 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} \times 11,5\%/\text{năm} = 39.253.500 \text{ đồng}$.

Số tiền vốn và lãi bà H phải có trách nhiệm trả cho ông L là 95.003.500 đồng (vốn 50.000.000 đồng + lãi (5.750.000 đồng + 39.253.500 đồng)).

[3] Về án phí: Ông Trần Văn K và bà Liềm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông Liềm Tịch L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L1 Tịch Lềng đối với ông Trần Văn K và bà Liềm H.

Buộc ông Trần Văn K và bà Liềm H liên đới trách nhiệm trả cho ông L1 Tịch Lếng số tiền 32.180.000 đồng (ba mươi hai triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

Buộc bà Liềm H có trách nhiệm trả cho ông L1 Tịch Lếng số tiền 95.003.500 đồng (chín mươi lăm triệu, không trăm lẻ ba nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liềm Tịch L về việc buộc ông Trần Văn K liên đới trách nhiệm cùng bà Liềm H trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 02/3/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà Liềm H và ông Trần Văn K phải chịu 1.609.000 đồng (một triệu, sáu trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả 32.180.000 đồng.

Bà Liềm H phải chịu 4.750.000 đồng (bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả 95.003.500 đồng.

Ông Liềm Tịch L được nhận lại 3.469.000 đồng (ba triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001857, ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[4] Về quyền kháng cáo: Ông Liềm Tịch L và ông Trần Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Liềm H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Chiên

